ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN HÒA THỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 77/QĐ-UBND	*An Hòa Thịnh, ngày 09 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của xã An Hòa Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN HÒA THỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ- HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn về việc phê chuẩn dự toán thu, chi Ngân sách năm 2023 ;

Căn cứ Quyết định số 6975/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho xã An Hòa Thịnh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, ngày 04/01/2023 của HĐND xã An Hòa Thịnh về việc phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách năm 2023;

Theo đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu quyết toán ngân sách xã năm 2023 của xã An Hòa Thịnh,

(Có bảng quyết toán ngân sách năm 2023 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã An Hòa Thịnh, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Đông

Biểu 116/CKTC-NSNN

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ AN HOÀ THỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	**15.900.147.513**	**TỔNG SỐ CHI**	**15.900.147.513**
I. Các khoản thu xã, thị trấn hưởng 100%	103.326.654	I. Chi đầu tư phát triển	3.152.146.000
II. Các khoản thu phân chi theo tỉ lệ %	969.175.059	II. Chi thường xuyên	12.541.324.513
III. Thu bổ sung	14.800.645.800	III. Chi chuyển nguồn sang năm sau	206.677.000
- Bổ sung cân đối	8.228.279.400	IV Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	6.572.366.400		
IV Thu kết dư ngân sách năm trước			
VI Thu viện trợ			
IV. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	27.000.000		
Kết dư ngân sách			

UBND XÃ AN HOÀ THỊNH

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được HĐND xã phê duyệt)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**9 900 283 000**	**9 225 903 000**	**17 152 759 795**	**15 900 147 513**	**173.3**	**172.3**
I	**Các khoản thu 100%**	**142 000 000**	**142 000 000**	**106 920 520**	**103 326 654**	**75.3**	**72.8**
1	Phí, lệ phí	17 000 000	17 000 000	14 890 000	14 890 000	87.6	87.6
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	85 000 000	85 000 000	36 165 528	36 165 528	42.5	42.5
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			5 864 992	2 271 126		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân thao quy định			50 000 000	50 000 000		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40 000 000	40 000 000				
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%)**	**1 268 000 000**	**593 620 000**	**2 218 193 475**	**969 175 059**	**174.9**	**163.3**
1	**Các khoản thu phân chia**	**75 000 000**	**60 000 000**	**45 923 431**	**40 488 746**	**61.2**	**67.5**
2.1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
2.1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
2.1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			18 750 000	18 750 000		
2.1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	75 000 000	60 000 000	27 173 431	21 738 746	36.2	36.2
2	**Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định**	**1 193 000 000**	**533 620 000**	**2 172 270 044**	**928 686 313**	**182.1**	**174.0**

2.1	Thuế GTGT-TNDN	143 000 000	68 620 000	412 439 176	136 990 657	288.4	199.6
2.2	Thu cấp quyền sử dụng đất	1 000 000 000	450 000 000	1 758 309 300	791 239 185	175.8	175.8
2.3	Cho thuê mặt đất	50 000 000	15 000 000	1 521 568	456 471	3.0	3.0
2.4	Thu khác						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**27 000 000**	**27 000 000**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**8 490 283 000**	**8 490 283 000**	**14 800 645 800**	**14 800 645 800**	**174.3**	**174.3**
6.1	Thu bổ sung cân đối	8 490 283 000	8 490 283 000	8 228 279 400	8 228 279 400	96.9	96.9
6.2	Thu bổ sung có mục tiêu			6 572 366 400	6 572 366 400		

UBND XÃ AN HOÀ THỊNH

Biểu số 118/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được HĐND xã phê duyệt)

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH DT/QT (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**9.225.903.000**	**450.000.000**	**8.775.903.000**	**15.900.147.513.00**	**3.152.146.000**	**12.748.001.513.00**	**172.3**	**700.4769**	**145.3**
	Trong đó									
1	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	884.584.000		884.584.000	1.166.216.000		1.166.216.000	131.8		131.8
2	Chi giáo dục	10.000.000		10.000.000	0			0.0		
3	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				0					
4	Chi y tế	111.916.000		111.916.000	112.518.000		112.518.000	100.5		100.5
5	Chi văn hóa, thông tin	30.000.000		30.000.000	25.200.000		25.200.000	84.0		84.0
6	Chi phát thanh, truyền thanh	40.000.000		40.000.000	23.793.000		23.793.000	59.5		59.5
7	Chi thể dục thể thao	40.000.000		40.000.000	62.060.000		62.060.000	155.2		155.2
8	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	84.850.000		84.850.000	169.7		169.7
9	Chi các hoạt động kinh tế	848.445.000	450.000.000	398.445.000	3.357.348.200	2.095.588.000	1.261.760.200	395.7	465.6862	316.7
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.345.292.000		6.345.292.000	10.211.201.313	1.056.558.000	9.154.643.313.0	160.9		144.3
11	Chi cho công tác xã hội	421.004.000		421.004.000	650.284.000		650.284.000	154.5		154.5
12	Chi khác	217.584.000		217.584.000						
13	Dự phòng	227.078.000		227.078.000						
14	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau						206.677.000.00			

UBND XÃ AN HOÀ THỊNH

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

ĐVT: đồng

NỘI DUNG CHI	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2023	Giá trị đã thanh toán năm 2023			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối NS	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**7.170.411.000**	**759.334.000**	**6.663.708.000**	**3.152.146.000**	**3.152.146.000**	**3.152.146.000**	**0**
1. Công trình chuyển tiếp								
Đường GT thôn Tân Thịnh đi thôn Thiên Nhẫn	17/11/2020-20/02/2021	1.176.000.000		1.065.727.000	131.766.000	131.766.000	131.766.000	
Đường GT thôn Trùa xã An Hòa Thịnh	04/11/2022-04/02/2022	1.533.000.000		1.451.178.000	81.707.000	81.707.000	81.707.000	
Đường GT và rảnh thoát nước xã An Hòa Thịnh	20/7/2022-20/11/2022	1.004.293.000	759.334.000	841.329.000	9.871.000	9.871.000	9.871.000	
2. Công trình khởi công mới								
Nâng cấp sữa chữa kênh mương Hùm De xã An Hòa Thịnh	22/6/2023-22/8/2023	599.569.000		566.577.000	482.633.000	482.633.000	482.633.000	
Đường GT thôn Tiến Thịnh xã An Hòa Thịnh	17/3/2023-14/8/2023	466.177.000		440.513.000	439.411.000	439.411.000	439.411.000	
Cải tạo trụ sở UB xã Sơn An trước đây thành nhà làm việc UBND xã An Hòa Thịnh	14/7/2023-14/10/2023	1.100.000.000		1.059.757.000	1.056.558.000	1.056.558.000	1.056.558.000	
Kênh mương nội đồng xã An Hòa Thịnh	06/12/2023-31/12/2023	913.650.000		910.427.000	850.000.000	850.000.000	850.000.000	
Đường GT và rảnh thoát nước xã An Hòa Thịnh	20/7/2023-20/11/2023	377.722.000		328.200.000	100.200.000	100.200.000	100.200.000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN HOÀ THỊNH

Biểu số 120/CKTC-NSNN

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC KHOẢN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Nội dung	Kế hoạch			Thực hiện		
	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)	Thu	Chi	Chênh lệch (+) (-)
TỔNG SỐ	**48.777.000**	**48.777.000**	**0**	**48.777.000**	**48.777.000**	**0**
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	48.777.000	48.777.000	0	48.777.000	48.777.000	0
- Quỹ Bảo trợ trẻ em	17.457.000	17.457.000	0	17.457.000	17.457.000	0
- Quỹ Đền ơn đáp nghĩa	18.810.000	18.810.000	0	18.810.000	18.810.000	0
- Quỹ Thiên tai	12.510.000	12.510.000	0	12.510.000	12.510.000	0
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						